

Bs Đinh Thị Vi -

Đây là một nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên, đa trung tâm. Nghiên cứu chọn ngẫu nhiên bệnh nhân vào khoa cấp cứu vì bệnh trung huyết hoặc sốc bệnh nhân trung, trên 18 tuổi. Tiêu chí loại trừ là bệnh nhân có thai, đã được đặt nội khí quản trước khi vào viện hoặc được chuyển từ bệnh viện khác đến. Các bệnh nhân được chia một cách ngẫu nhiên vào hai nhóm, nhóm A được truyền bệnh nhân ringer lactate, nhóm B dùng dung dịch muối đẳng trương. Thời điểm đo kết quả một lần là tại bệnh viện vì bất kỳ nguyên nhân nào, hai là cần phải thở máy và suy thận (creatinin máu tăng gấp hai lần hoặc cần phải RRT).

ABSTRACT

BACKGROUND: Sepsis and septic shock are the main causes of morbidity and mortality in critically ill patients. Fluid resuscitation is a cornerstone of therapy. The aim of this study was to compare saline solution to Ringer lactate in resuscitation of patients with sepsis and septic shock.

METHODS: We randomly assigned patients who had been admitted to the emergency department for sepsis or septic shock to receive either ringer lactate or normal saline for intravascular-fluid resuscitation. The primary outcome measure was in-hospital death from any cause. Second outcomes were requirement of mechanical ventilation and worsening of renal function.

RESULTS: Among the 84 patients, 35 receive Ringer Lactate and 49 saline solution. The two groups had similar baseline characteristics. There were 8 deaths in the Ringer Lactate group, as compared with 28 deaths in the saline group (27.6% versus 63%; $P=0.003$). There were no significant differences between the groups in need of mechanical ventilation (4.5 ± 6.1 and 4.3 ± 5.7 , respectively; $P=0.74$), or worsening of renal function.

CONCLUSIONS: Patients with sepsis or septic shock resuscitated using lactated Ringer had a lower mortality than those resuscitated with 0.9% NaCl solution.

(Cite this article as: Pagano A, Porta G, Bosso G, Rosato V, Allegorico E, Serra C, *et al.* Ringer lactate versus saline solution for resuscitation of sepsis and septic shock. *Ital J Emerg Med* 2020;9:29-34. DOI: 10.23736/S2532-1285.20.00019-1)

KEY WORDS: Sepsis; Shock; Ringer's lactate.

Kết quả là trong số 84 bệnh nhân, 35 bệnh nhân dùng ringer lactate và 49 bệnh nhân dùng dung dịch muối. Tiêu điểm của bệnh nhân trung huyết phải là 39 bệnh nhân, số bệnh nhân là 9, thời gian là 10, mô men là 2, huyết áp trung bình là 1, tim là 1 và 22 bệnh nhân không rõ tiêu điểm. Điểm SOFA trung bình là 6, MAP là 70 mmHg, lactate máu trung bình là 4,7 meq/l. Có 5 bệnh nhân cần thở máy, 32 bệnh nhân dùng thuốc vận mạch. Không có sự khác biệt giữa hai nhóm về các đặc điểm lâm sàng chính kể trên. Có 8 trường hợp hồi sức nhóm sử dụng ringer lactate, so với 28 trường hợp hồi sức nhóm muối (27,6% so với 63%; $P = 0,003$). Không có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm cần thở máy ($4,5 \pm 6,1$ và $4,3 \pm 5,7$, tương ứng; $P = 0,74$) hoặc suy giảm chức năng thận.

So sánh giữa Ringer lactate và dung dịch NaCl 0,9% trong hồi sức cầm máu và sốc cầm máu

Viết bởi Biên tập viên

Thứ hai, 14 Tháng 9 2020 15:44 - Lần cập nhật cuối Thứ hai, 14 Tháng 9 2020 16:00

Table 1.—Demographic and clinical characteristics of the study population

Variable	Group B	Group A	P value
N, of patients	49	35	
Age, mean, years (s.d.)	55.8 (12.1)	55.8 (12.2)	NS
Male, N (%)	25 (51)	26 (74)	0.031
SBP, mean, mmHg (s.d.)	102 (20.6)	101 (27)	NS
DBP, mean, mmHg (s.d.)	62 (14.5)	62 (13.2)	NS
MAP, mean, mmHg (s.d.)	69 (20)	64 (11)	NS
HR, mean, bpm (s.d.)	96 (15.7)	109 (20.7)	0.019
Creatinin T0, mg/dL (s.d.)	1.52 (1.09)	1.67 (0.9)	NS
SOFA score, mean, (s.d.)	6 (2.8)	5.9 (2.9)	NS
Blood Lactate T0, mmol/L (s.d.)	4.8 (2.8)	4.6 (3.1)	NS
Origin of sepsis, N (%)			
Pulmonary, N (%)	22	17	
Urinary, N (%)	4	6	
Abdominal, N (%)	6	3	
Other, N (%)	17	9	
Use of vasopressors, N (%)	21 (42.7)	11 (31.4)	NS
Dialysis, N (%)	4	2	NS
OTI, N (%)	4 (8.2)	1 (2.9)	NS
Death, N (%)	28 (57.1)	8 (22.9)	0.003

TABLE II.—Factors associated with higher mortality.

Factor	Univariate	Multivariate		
		OR	95.0% CI	P value
Age (year)	0.224	-	-	-
Male (vs. female)	0.079	-	-	-
SBP	0.038*	1.004	0.977	1.032
MBP	0.315	-	-	-
HT	0.382	-	-	-
Creatinin T0	0.383	-	-	-
Blood Lactate T0	0.239	-	-	-
Delta lactate T0- T6h	0.239	-	-	-
SOFA score	0.022*	1.284	0.947	1.739
Vasopressors	0.001**	3.139	0.694	14.208
Balanced fluid	0.003**	0.227	0.060	0.857

Univariate analysis was performed by ANOVA test and also by other parametric and non-parametric test (*Mann-Whitney U Test; ** Fisher Exact Test); Multivariate analysis was performed by a logistic binary regression model.
HT: heart rate; MAP: mean arterial pressure; SAP: systolic arterial pressure.